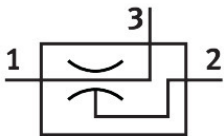


**Bộ phát chân không**  
**VN-05-M-T3-PI4-VI4-RI4**  
 Số bộ phận: 193544

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                            | Giá trị                              |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Chiều rộng định mức vòi phun laval                  | 0.45 mm                              |
| Kích thước lưới                                     | 14 mm                                |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kỳ                               |
| Đặc điểm của bơm phun                               | chân không cao<br>Nội tuyến          |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Dạng T                               |
| Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa | 6.3 bar                              |
| Áp suất vận hành                                    | 1 bar...8 bar                        |
| Áp suất vận hành cho chân không tối đa              | 6 bar                                |
| Chân không tối đa                                   | 86 %                                 |
| Áp suất vận hành định mức                           | 6 bar                                |
| Đòng thể tích hút tối đa so với không khí           | 6.1 l/ph                             |
| Thời gian thông gió ở áp suất vận hành định mức     | 4.7 s                                |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Không thể hoạt động bằng dầu         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 1 - ứng suất ăn mòn thấp             |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B1/B2-L                    |
| Nhiệt độ trung bình                                 | 0 °C...60 °C                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 0 °C...60 °C                         |
| Mô-men xoắn siết tối đa                             | 0.5 N m                              |
| trọng lượng sản phẩm                                | 22 g                                 |
| Kiểu gắn                                            | với lỗ xuyên<br>với phụ kiện         |
| Cổng nối khí nén 1                                  | G1/8                                 |
| Cổng nối khí nén 3                                  | G1/8                                 |
| Giác hút chân không                                 | G1/8                                 |
| Vật liệu ren cổng nối                               | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa           |
| Ghi chú vật liệu                                    | Tuân thủ RoHS                        |
| Vật liệu của phốt                                   | NBR                                  |
| Vật liệu vòi thu gom                                | POM                                  |
| Vật liệu vỏ                                         | POM gia cố                           |
| Vật liệu vòi phun                                   | Hợp kim nhôm rèn                     |